TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TỊNH BIÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 25/9/2017 Ngày 19-9-2017 V/v tranh chấp xin ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Nam Phú

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Minh Chuyên;

- Bà Huỳnh Thị Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Quới, thư ký Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên;

Trong các ngày 19 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 181/2017/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2017 về tranh chấp "xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1972.

Địa chỉ cư trú: ấp V, xã V, huyện T, tỉnh An Giang, có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1971.

Địa chỉ cư trú: ấp P, xã A, huyện T, tỉnh An Giang, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 07/8/2017 quá trình tố tụng tại Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Về hôn nhân: năm 1991, ông và bà Nguyễn Thị D tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới nhưng đến nay chưa đăng ký kết hôn, chung sống không có mâu thuẫn gì lớn, do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên từ năm 2000 giữa ông và bà D đi làm ăn xa và từ 2000 sống ly thân nhau đến ngày hôm nay. Nay ông xin ly hôn bà D.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải

quyết.

- Tại lời khai ngày 25/8/2017, quá trình tố tụng tại Tòa án, cũng như tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thị D trình bày:

Thống nhất theo lời trình bày của ông H nêu về điều kiện, thời gian tiến đến hôn nhân, bà và ông H cưới nhau năm 1991 nhưng đến nay chưa đăng ký kết hôn là đúng, quá trình chung sống do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bà và ông H đi làm ăn xa nhau từ năm 2000 và sống ly thân đến nay. Nay ông H xin ly hôn, bà đồng ý.

Về con chung: không có

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Tại phiên tòa hôm nay: nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ nguyên lời trình bày và yêu cầu của mình; không bổ sung tài liệu, chứng cứ gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên nhận định:

[2] Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và đơn xác nhận tình trạng nơi cư trú: bị đơn ông Nguyễn Thị D có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại ấp P, xã A, huyện T, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị D chung sống như vợ chồng từ năm 1991 đến năm 2000 thì sống ly thân, ông H, bà D sống chung như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình nên trường hợp này ông H, bà D có yêu cầu ly hôn thì Tòa án tuyên bố không công nhận là vợ chồng quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình. Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H mà tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng của ông H và bà D.

[3.2] Về quan hệ con chung; quan hệ tài sản chung và nợ chung: ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị D cùng khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, ông Nguyễn

Văn H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị D không phải chịu tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị D là vợ chồng.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2015/0015787 ngày 09 tháng 8 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Châu Nam Phú

Nơi nhận:
- Đương sự (2);
- VKS huyện (1);
- THA huyện (1);
- Lưu vp, hs (2).